BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2009/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2009

THÔNG TƯ
hướng dẫn Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về thu hút, vận động, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ của nước ngoài bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (gọi tắt là PCPNN) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các đơn vị có chức năng quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ (sau đây gọi chung là đơn vị) có quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 3. Nguồn hỗ trợ của nước ngoài

1. Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) gồm:

a) Chương trình, dự án ODA không hoàn lại: là hình thức cung cấp ODA không phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ;

b) Chương trình, dự án ODA vay ưu đãi (tín dụng ưu đãi): là khoản vay với các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời gian ân hạn và trả nợ, bảo đảm "yếu tố không hoàn lại" (còn gọi là "thành tố hỗ trợ") đạt ít nhất 35% đối với các khoản vay có ràng buộc và 25% đối với các khoản vay không ràng buộc;

c) Chương trình, dự án ODA vay hỗn hợp: là các khoản viện trợ không hoàn lại hoặc các khoản vay ưu đãi được cung cấp đồng thời với các khoản tín dụng thương mại, nhưng tính chung lại có "yếu tố không hoàn lại" đạt ít nhất 35% đối với các khoản vay có ràng buộc và 25% đối với các khoản vay không ràng buộc.

2. Nguồn hỗ trợ của các tổ chức PCPNN gồm:

a) Viện trợ thông qua các chương trình, dự án;

b) Viện trợ phi dự án (bao gồm cả khoản cứu trợ khẩn cấp) do các tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ dưới các hình thức: Hỗ trợ tài chính, hiện vật, cung cấp trang thiết bị, công nghệ (máy móc, bí quyết vận hành), vật tư (hàng hóa, giống cây, giống con và sinh vật), nghiên cứu phát triển, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp chuyên gia và đào tạo.

Điều 4. Nguyên tắc thu hút, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ của nước ngoài

1. Việc thu hút, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ của nước ngoài phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, đảm bảo an ninh quốc gia, hiệu quả huy động và tuân thủ các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên tham gia.

2. Bảo đảm tính đồng bộ và nhất quán của các quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài; bảo đảm sự tham gia rộng rãi của các bên có liên quan; đơn giản hóa, hài hòa quy trình thủ tục giữa Bộ và nhà tài trợ; phân cấp quản lý và thực hiện, làm rõ trách nhiệm, tăng cường giám sát, nâng cao hiệu quả nguồn hỗ trợ của nước ngoài.

Chương II

VẬN ĐỘNG, CHUẨN BỊ TIẾP NHẬN NGUỒN HỖ TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Lĩnh vực ưu tiên vận động tài trợ của Bộ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Phát triển hạ tầng nông thôn (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi) kết hợp xóa đói, giảm nghèo.

2. Phòng chống và giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

3. An ninh lương thực và vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khu vực nông thôn.

5. Tăng cường năng lực, thể chế, quản lý, kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai.

6. Một số lĩnh vực khác trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, các quy định của Chính phủ và của Bộ.

Điều 6. Căn cứ đề xuất danh mục chương trình, dự án cần thu hút, vận động sử dụng vốn ODA

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (CPRGS), Chiến lược quốc gia vay và trả nợ nước ngoài và Chương trình quản lý nợ trung hạn của quốc gia, Chiến lược, chương trình hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nhà tài trợ và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của ngành (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập đăng ký danh mục chương trình, dự án cần thu hút, vận động sử dụng vốn ODA của Bộ hàng năm.

Điều 7. Lựa chọn danh mục chương trình, dự án ưu tiên thu hút và vận động sử dụng vốn ODA

1. Các đơn vị chủ động đề xuất danh mục chương trình, dự án cần thu hút, vận động ODA và gửi đề cương sơ bộ của từng chương trình, dự án về Vụ Hợp tác quốc tế kèm theo hồ sơ đăng ký danh mục yêu cầu tài trợ ODA gồm: Văn bản chính thức của đơn vị đề nghị đăng ký danh mục chương trình, dự án cần thu hút, vận động ODA cùng với 08 bộ đề cương sơ bộ của từng chương trình, dự án (mỗi bộ gồm văn bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

2. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tập hợp trình Bộ trưởng xem xét và có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư danh mục đăng ký chương trình, dự án yêu cầu tài trợ.

3. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các đơn vị đề xuất tiến hành chuẩn bị, xây dựng đề cương chi tiết và trao đổi với nhà tài trợ về danh mục các chương trình, dự án ưu tiên vận động tài trợ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Bộ gửi các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đề cương chi tiết chương trình, dự án đăng ký danh mục cần có các nội dung cơ bản sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

a) Tên chương trình, dự án và nhà tài trợ;

b) Cơ quan chủ quản chương trình, dự án;

c) Chủ chương trình, dự án (chủ đầu tư) và các cơ quan phối hợp (nếu có);

d) Mục tiêu dài hạn, các mục tiêu ngắn hạn và kết quả chủ yếu của chương trình, dự án;

đ) Vị trí, vai trò và đóng góp của chương trình, dự án vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển của ngành;

e) Địa điểm thực hiện chương trình, dự án;

g) Thời gian bắt đầu và kết thúc chương trình, dự án;

h) Nội dung chính, các hoạt động, đầu ra và kết quả của các hợp phần, cấu phần hoặc các tiểu dự án;

i) Nội dung trao đổi với nhà tài trợ về những cam kết, điều kiện đối với khoản viện trợ của bên tài trợ, nghĩa vụ của bên tiếp nhận;

k) Dự kiến hạn mức, loại vốn của chương trình, dự án;

l) Nguồn và cơ chế tài chính trong nước của chương trình, dự án;

m) Dự kiến kế hoạch tổng thể và kế hoạch thực hiện năm đầu tiên, kế hoạch theo dõi và giám sát chương trình, dự án;

n) Năng lực tổ chức thực hiện, quản lý dự án, tính bền vững khi kết thúc, phân tích rủi ro, các tác động của chương trình, dự án và cách khắc phục (nếu có).

Điều 8. Chuẩn bị chương trình, dự án

1. Chuẩn bị chương trình, dự án sử dụng vốn ODA

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo phê duyệt danh mục tài trợ chính thức của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng ra quyết định về Chủ dự án thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị dự án. Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ chỉ thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật về chiến lược, chính sách chuyên ngành, các dự án tăng cường năng lực, thể chế. Các dự án hỗ trợ kỹ thuật xây dựng dự án để phục vụ cho các dự án vốn vay sẽ do cơ quan chủ dự án vốn vay chủ trì thực hiện.

Việc chuẩn bị nội dung chương trình, dự án trong danh mục tài trợ chính thức do Chủ dự án thực hiện tuân thủ các quy định tại Điều 9.

2. Chuẩn bị chương trình, dự án và các khoản viện trợ phi dự án sử dụng vốn PCPNN

a) Thông qua Vụ Hợp tác quốc tế, các đơn vị chủ động đề xuất, trao đổi và chuẩn bị các nội dung cơ bản, văn bản

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

ghi nhớ sơ bộ của nhà tài trợ, hồ sơ tiếp nhận viện trợ và có văn bản trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt hoặc báo cáo xin ý kiến Chính phủ;

b) Nội dung văn kiện chương trình, dự án do các tổ chức PCPNN hỗ trợ cần thể hiện đầy đủ thông tin dự án và các nội dung cơ bản theo quy định tại Quy chế quản lý PCPNN, các văn bản hướng dẫn và yêu cầu của nhà tài trợ. Các nội dung cơ bản của Văn kiện hỗ trợ cần có gồm:

- Mô tả tóm tắt dự án;

- Sự cần thiết phải có dự án (vị trí của dự án và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh chung của ngành, của địa phương...);

- Các mục tiêu của dự án: gồm các mục tiêu dài hạn và các mục tiêu ngắn hạn;

- Các kết quả của dự án;

- Các hoạt động của dự án;

- Ngân sách của dự án: (phân bổ cụ thể cho từng hoạt động và theo từng năm);

- Kế hoạch triển khai thực hiện dự án (trong trường hợp cần thiết phân thành các giai đoạn thực hiện);

- Phân tích hiệu quả dự án: Sơ bộ đánh giá hiệu quả tài chính; Hiệu quả xã hội, nhất là tăng cường và phát triển nguồn nhân lực; Hiệu quả môi trường; Tính bền vững của dự án trong quá trình phát triển tiếp theo.

c) Các đơn vị có sử dụng nguồn hỗ trợ phi dự án, dưới hình thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách, viện trợ theo gói hoặc qua các quỹ ủy thác, viện trợ PCPNN dự án cho nghiên cứu, trao đổi thông tin, kinh nghiệm, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phải làm báo cáo gửi về Bộ thông qua Vụ Hợp tác quốc tế. Trong đó cần nêu rõ phương thức, mục tiêu, nội dung, đối tượng viện trợ và tiếp nhận viện trợ, thời gian thực hiện và tổng kinh phí. Viện trợ dưới dạng hiện vật (hàng hóa, vật tư, thiết bị) hoặc tiền mặt cần nêu rõ số lượng, danh mục hàng viện trợ và ước tính tổng giá trị hàng viện trợ bằng hiện vật hoặc tiền mặt.

3. Xác định vốn nước ngoài và vốn đối ứng để chuẩn bị chương trình, dự án

Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính xây dựng kế hoạch vốn trên cơ sở đề xuất của chủ dự án hoặc đơn vị tiếp nhận hỗ trợ và ý kiến thống nhất sơ bộ với nhà tài trợ.

Điều 9. Nội dung văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA

1. Chương trình, dự án đầu tư

a) Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, dự án đầu tư tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng ODA của Chính phủ, các quy định về Quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ tại các Luật ngân sách, Luật đầu tư, Luật xây dựng, Luật đấu thầu, Luật ngân sách và

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0914189

các văn bản hướng dẫn của Nhà nước và quy định của nhà tài trợ;

b) Văn kiện chương trình, dự án cần bám sát đề cương chi tiết đã được phê duyệt, thể hiện đầy đủ các nội dung cơ bản tại Khoản 4, Điều 7.

2. Chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật

Nội dung văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật cần chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn và yêu cầu của nhà tài trợ và bám sát đề cương chi tiết đã được phê duyệt, thể hiện đầy đủ các nội dung cơ bản tại Khoản 4, Điều 7.

Điều 10. Nội dung chương trình, dự án sử dụng nguồn PCPNN

Nội dung văn kiện chương trình, dự án cần chuẩn bị đầy đủ theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN và có những nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu của chương trình, dự án phù hợp với ưu tiên của Chính phủ;

- Tính khả thi của chương trình, dự án về: năng lực quản lý và thực hiện dự án; cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện và khả năng đóng góp của phía Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng;

- Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho chuyên gia trong và ngoài nước; đào tạo trong và ngoài nước; trang thiết bị và vật tư; chi phí quản lý và các chi phí khác;

- Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của Bên tài trợ đối với khoản viện trợ (nếu có); cũng như những cam kết của Bên Việt Nam để thực hiện chương trình, dự án;

- Hiệu quả và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

Điều 11. Mã số chương trình, dự án

Các chương trình, dự án sau khi được tổng hợp vào danh mục chương trình, dự án ưu tiên chính thức của Bộ được cấp mã số dự án của Bộ. Mã số cấp cho từng chương trình, dự án được lưu giữ thông tin tại Vụ Hợp tác quốc tế để tổng hợp, theo dõi nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ.

Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp xây dựng trình Bộ trưởng ban hành Quy định về mã số chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt nội dung chương trình, dự án ODA

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Điều kiện thẩm định

a) Chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thuộc danh mục chương trình, dự án ưu tiên vận động của Bộ, có văn bản thỏa thuận của nhà tài trợ. Chương trình, dự án nằm ngoài danh mục chỉ được thẩm định sau khi có ý kiến bằng văn bản đồng ý về chủ trương của Bộ trưởng.

Bộ trưởng phê duyệt các chương trình, dự án không phải là chương trình, dự án quan trọng quốc gia hoặc chương trình, dự án có kèm theo khung chính sách. Đối với các chương trình, dự án ODA thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu để trình cơ quan đầu mối thẩm định của Chính phủ theo quy định.

b) Hồ sơ thẩm định hợp lệ bao gồm:

- Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về danh mục tài trợ chính thức;

- Tờ trình đề nghị phê duyệt chương trình, dự án của đơn vị;

- Văn kiện chương trình, dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài, nếu có) số lượng 05 bộ (có ít nhất 01 bộ gốc). Nội dung văn kiện thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) và phải phù hợp với Đề cương chi tiết chương trình, dự án đã được phê duyệt;

- Các văn bản và ý kiến trả lời của các cơ quan liên quan trong quá trình chuẩn bị chương trình, dự án và các văn bản thỏa thuận, bản ghi nhớ với nhà tài trợ (hoặc đại diện), báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có);

- Báo cáo tài chính của chủ dự án trong ba năm gần nhất, có xác nhận của cơ quan chủ quản (đối với chương trình, dự án theo cơ chế cho vay lại);

- Dự thảo hiệp định hoặc văn bản thỏa thuận về dự án sẽ được ký kết giữa đại diện của Việt Nam và đại diện của nhà tài trợ (nếu có).

2. Nội dung, quy trình và thời hạn thẩm định

a) Nội dung, quy trình và thời hạn thẩm định chương trình, dự án đầu tư thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư, xây dựng của Chính phủ như Luật xây dựng, Luật đấu thầu, các văn bản hướng dẫn và các quy định của nhà tài trợ;

b) Nội dung, quy trình và thời hạn thẩm định văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật thực hiện đầy đủ theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

c) Việc thẩm định và phê duyệt văn kiện hỗ trợ tiếp cận theo chương trình hoặc ngành, các chương trình dự án ô, các chương trình dự án khu vực trong đó Việt Nam là một bên tham gia thực hiện theo quy trình quy định tại Điểm đ của Điều này;

d) Chủ dự án không được làm nhiệm vụ thẩm định dự án hỗ trợ kỹ thuật của mình;

đ) Quy trình thẩm định:

- Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định.

Tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định phải tuân thủ Quy định Quy chế quản lý và sử dụng ODA và các văn bản hướng dẫn. Các nội dung văn kiện phải phù hợp với các nội dung trong Văn bản phê duyệt danh mục yêu cầu tài trợ của Bộ.

- Bước 2: Tham vấn các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế đề xuất hình thức thẩm định, thành lập hội đồng thẩm định và gửi bộ hồ sơ kèm văn bản xin ý kiến tới các cơ quan, đơn vị liên quan trước khi thẩm định.

- Bước 3: Thẩm định.

Đơn vị chủ trì thẩm định lựa chọn một trong hai hình thức thẩm định (tổng hợp ý kiến góp ý bằng văn bản hoặc góp ý trực tiếp tại hội nghị thẩm định) và tiến hành tổ chức thẩm định các nội dung văn kiện.

- Bước 4: Phê duyệt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các bước 1, 2, 3, đơn vị chủ trì thẩm định lập báo cáo thẩm định chương trình, dự án và tập hợp, gửi các văn bản liên quan cùng với dự thảo Quyết định phê duyệt nội dung dự án trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

e) Thời hạn thẩm định chương trình, dự án.

Thời hạn thẩm định không quá 45 ngày làm việc đối với chương trình, dự án đầu tư và không quá 15 ngày làm việc đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 của Điều này.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày chương trình, dự án được phê duyệt, đơn vị chủ trì thẩm định phối hợp với Chủ dự án lập hồ sơ gồm báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt chương trình, dự án (bản sao có công chứng), kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan.

3. Tổ chức thẩm định

a) Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị có chức năng quản lý nhà nước tổ chức thẩm định;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Các thành viên tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về nội dung những ý kiến đóng góp của mình đối với các chương trình, dự án có nguồn hỗ trợ nước ngoài;

c) Kết quả thẩm định được thể hiện bằng Biên bản thẩm định kèm theo hồ sơ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều này và Dự thảo Quyết định trình Bộ trưởng phê duyệt.

Điều 13. Kinh phí chuẩn bị, xây dựng và thẩm định chương trình, dự án

1. Vốn chuẩn bị chương trình, dự án thực hiện theo Quy chế Quản lý và sử dụng ODA của Chính phủ, quy định cụ thể như sau:

a) Vốn chuẩn bị xây dựng chương trình, dự án ODA thuộc diện Nhà nước cấp phát từ ngân sách do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch và tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của Bộ; Vụ Kế hoạch tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí vốn đối với các dự án có tính chất đầu tư, Vụ Tài chính tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí vốn đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật có tính chất hành chính sự nghiệp;

Trường hợp chương trình, dự án không trùng kỳ lập kế hoạch, tùy thuộc vào tính chất dự án, Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Tài chính chuẩn bị văn bản trình Bộ trưởng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xin tạm ứng vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương;

b) Vốn chuẩn bị chương trình, dự án thuộc diện Nhà nước cho vay lại từ ngân sách hoặc cấp phát một phần: Vụ Kế hoạch tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí vốn đối với các dự án có tính chất đầu tư, Vụ Tài chính tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí vốn đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật có tính chất hành chính sự nghiệp;

c) Vốn chuẩn bị dự án hỗ trợ kỹ thuật (tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí chuẩn bị chương trình, dự án): Đơn vị thụ hưởng dự án chuẩn bị, trình Bộ đưa vào kế hoạch vốn chuẩn bị hàng năm;

d) Vốn ODA thông qua dự án hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị, xây dựng chương trình, dự án đầu tư sử dụng do Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với chủ dự án chuẩn bị trình Bộ theo kế hoạch.

2. Việc sử dụng vốn đối ứng để chuẩn bị các chương trình, dự án tuân thủ theo quy định của Luật ngân sách và nghị định của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Tùy theo từng chương trình, dự án, vốn đối ứng có thể sử dụng cho toàn bộ hoặc một phần chi phí theo quy định và Văn kiện được ký kết.

3. Kinh phí xây dựng và thẩm định lấy từ nguồn hỗ trợ của nước ngoài hoặc vốn ngân sách nhà nước đã bố trí cho dự

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0961429

án hoặc từ kinh phí hợp pháp của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc đơn vị chủ dự án.

Kinh phí thẩm định, chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo Định mức tư vấn đầu tư và xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

5. Chủ chương trình, dự án quản lý kinh phí chuẩn bị, xây dựng và thẩm định các chương trình, dự án và chi trả cho đơn vị xây dựng và thẩm định dự án theo quy định.

Chương IV

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ VIỆN TRỢ PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ PCPNN

Điều 14. Thẩm định, phê duyệt.

1. Hồ sơ trình thẩm định phê duyệt văn kiện chương trình, dự án gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt của chủ chương trình, dự án (cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận viện trợ);

b) Văn kiện chương trình, dự án gốc bằng ngôn ngữ được bên viện trợ sử dụng và bản dịch tiếng Việt đã được thống nhất giữa chủ chương trình, dự án và bên viện trợ;

c) Văn bản thông báo cam kết viện trợ hoặc cam kết xem xét tài trợ cho chương trình, dự án của bên viện trợ;

d) Biên bản ghi nhớ hoặc Thỏa thuận viện trợ giữa đại diện cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận viện trợ và đại diện bên viện trợ (nếu có);

đ) Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đối với chương trình, dự án viện trợ (nếu có);

e) Bản sao Giấy phép do Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ cấp cho các tổ chức PCPNN; bản sao Giấy đăng ký hoạt động đối với các tổ chức PCPNN (nếu có). Trong trường hợp chưa có giấy phép, chủ dự án có văn bản giải trình cụ thể trình Bộ trưởng xem xét.

2. Thẩm định phê duyệt các khoản viện trợ phi dự án

a) Trên cơ sở trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ, Thủ trưởng đơn vị có báo cáo Bộ thông qua Vụ Hợp tác quốc tế để tổng hợp và tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, trước Pháp luật về các công việc liên quan đến tiếp nhận các khoản viện trợ phi dự án. Việc quản lý tài chính dự án đối với các khoản viện trợ phải tuân thủ quy định tại Luật ngân sách Nhà nước, Luật kế toán, pháp luật về thuế và các cam kết đã ký với nhà tài trợ;

b) Trường hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là một bên ký kết

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0961489

thỏa thuận quốc tế, cần chuẩn bị các hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt tiếp nhận viện trợ của đơn vị;

- Dự thảo Văn bản thỏa thuận viện trợ giữa bên viện trợ và Bộ (hoặc đơn vị tiếp nhận viện trợ) trong đó nêu rõ nội dung viện trợ, tên tổ chức viện trợ và tên đơn vị tiếp nhận viện trợ, danh mục hàng hóa, vật tư viện trợ và trị giá ước tính, hoặc tổng giá trị bằng tiền mặt.

c) Đối với khoản viện trợ khẩn cấp, ngoài những yêu cầu nêu trên cần nêu rõ mức độ thiệt hại, những nhu cầu thiết yếu, trước mắt cần giải quyết ngay trong thời gian xảy ra trường hợp khẩn cấp.

3. Quy trình, thời hạn thẩm định, phê duyệt

a) Vụ Hợp tác quốc tế là đầu mối giúp Bộ trưởng tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, trình phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN cho các đơn vị thuộc Bộ theo quy định;

b) Quy trình và thời hạn thẩm định, phê duyệt các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng thực hiện theo Quy chế quản lý PCPNN và các văn bản hướng dẫn và được quy định cụ thể như sau:

- Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ; tùy theo tính chất và quy mô chương trình, dự án, Vụ Hợp tác quốc tế gửi văn bản (kèm theo hồ sơ chương trình, dự án) tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xin ý kiến tham gia và tổ chức họp thẩm định chương trình, dự án;

- Trường hợp tổ chức thẩm định bằng văn bản, trong vòng 15 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản đề nghị của Vụ Hợp tác quốc tế, các đơn vị liên quan phải có ý kiến bằng văn bản. Quá thời hạn nói trên nếu không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì được xem là đồng ý với nội dung các tài liệu;

- Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản trả lời ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp ý kiến thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt chương trình, dự án; hoặc tham mưu để trình Bộ trưởng thông báo lý do không phê duyệt và hoàn trả hồ sơ cho chủ chương trình, dự án.

c) Quy trình và thời hạn thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ phi dự án: Trong vòng 05 ngày sau khi nhận được văn bản đề nghị (kèm hồ sơ hợp lệ) của đơn vị đầu mối tiếp nhận, Vụ Hợp tác quốc tế lập báo cáo trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc có văn bản đề nghị các đơn vị liên quan xem xét hồ sơ xin tiếp nhận.

Các khoản viện trợ phi dự án được triển khai dưới dạng chương trình, dự án,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

quy trình và thủ tục thẩm định, phê duyệt được áp dụng như khoản b nêu trên.

Điều 15. Kinh phí chuẩn bị, xây dựng và thẩm định chương trình, dự án

1. Vốn chuẩn bị chương trình, dự án thực hiện theo Quy chế Quản lý PCPNN của Chính phủ, quy định cụ thể như sau:

a) Vốn chuẩn bị xây dựng chương trình, dự án PCPNN do đơn vị đề xuất và trình Bộ thông qua Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Tài chính để xem xét, tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của Bộ;

Trường hợp chương trình, dự án không trùng kỳ lập kế hoạch, tùy vào tính chất của dự án, Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Tài chính chuẩn bị văn bản trình Bộ trưởng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xin tạm ứng vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương;

b) Vốn chuẩn bị chương trình, dự án thuộc diện Nhà nước cho vay lại từ ngân sách hoặc cấp phát một phần: tùy vào tính chất dự án Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị cân đối và bố trí vốn theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Vốn đối ứng các chương trình, dự án theo quy định của Luật ngân sách và nghị định của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Tùy theo từng chương trình, dự án, vốn đối ứng có thể sử dụng cho toàn bộ hoặc một phần chi phí theo quy định và Văn kiện được ký kết.

3. Kinh phí xây dựng và thẩm định lấy từ nguồn hỗ trợ của nước ngoài hoặc vốn ngân sách nhà nước đã bố trí cho dự án hoặc từ kinh phí hợp pháp của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc đơn vị chủ dự án.

Tùy tính chất của từng chương trình, dự án và khoản viện trợ, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính cân đối, bố trí vốn trên cơ sở đề xuất của đơn vị được giao chuẩn bị chương trình, dự án theo quy định của Luật ngân sách.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng.

Bộ trưởng phê duyệt các chương trình, dự án, các khoản viện trợ phi dự án có địa chỉ cụ thể, có giá trị không vượt quy định phân cấp phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, không có nội dung liên quan đến thể chế, chính sách, luật pháp, cải cách hành chính, văn hóa thông tin, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, có nhập khẩu những mặt hàng đã qua sử dụng hoặc thuộc diện hạn chế nhập khẩu của Chính phủ.

Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các đơn vị chuẩn bị hồ sơ, tài liệu đầy đủ theo quy định để trình cơ quan đầu mối thẩm định của Chính phủ theo quy định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0961449

Chương V

ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC, THỎA THUẬN QUỐC TẾ VÀ CÁC VĂN KIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 17. Thẩm quyền và cấp ký kết

1. Việc tiến hành đàm phán và ký điều ước quốc tế về các nguồn hỗ trợ của nước ngoài phải tuân thủ pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, các Văn bản hướng dẫn và các quy định khác của pháp luật.

2. Các đơn vị đàm phán và ký điều ước, thỏa thuận quốc tế với danh nghĩa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài phải được Bộ trưởng ủy quyền bằng văn bản.

3. Các chương trình, dự án hợp tác có nhiều quốc gia tham gia thực hiện (hoặc dự án vùng có sự tham gia của nhiều ngành và địa phương), trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là một bên tham gia, Bộ trưởng có thể ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị trực tiếp tham gia thỏa thuận nội dung liên quan đến các lĩnh vực của Bộ quản lý.

Điều 18. Trình tự đàm phán, ký kết và phê duyệt

1. Các đơn vị xây dựng văn kiện chương trình, dự án, trình Bộ trưởng thông qua Vụ Hợp tác quốc tế để tiến hành trao đổi với nhà tài trợ để xác định chương trình, dự án, nguồn hỗ trợ để xây dựng văn kiện. Những văn bản không thuộc thẩm quyền ký kết của Bộ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì chuẩn bị hồ sơ, văn kiện để trình cấp thẩm quyền xem xét.

2. Những văn bản ký kết thuộc thẩm quyền ký kết của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì tiếp xúc với nhà tài trợ để xác định loại Hiệp ước hoặc Thỏa thuận.

3. Tùy vào loại văn bản ký kết, căn cứ vào các quy định pháp luật tại "Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế" hoặc "Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế" cùng với các văn bản hướng dẫn, Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất trình Bộ trưởng thành lập đoàn đàm phán và chuẩn bị các văn bản liên quan.

4. Hồ sơ cần thiết để trình phê duyệt và ký kết gồm có một trong những văn bản sau: Hiệp định, Thỏa thuận, Bản ghi nhớ, Biên bản thỏa thuận, Biên bản trao đổi, Chương trình hợp tác, Kế hoạch hợp tác (hoặc tên gọi khác) cùng với thư cam kết của nhà tài trợ, hồ sơ dự án, thư ủy nhiệm (trường hợp người ký được cấp trên ủy quyền).

5. Sau khi kết thúc đàm phán, Trưởng đoàn đàm phán phải báo cáo bằng văn

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

bản gửi các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đàm phán, nội dung và các văn bản đã thỏa thuận, ký kết với đối tác bên nước ngoài.

6. Đối với các chương trình, dự án đoàn đàm phán là cơ quan khác ngoài Bộ chủ trì, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ là một thành viên tham gia, Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Chủ dự án chuẩn bị nội dung văn kiện có liên quan đến ngành, đề xuất danh sách đoàn đàm phán của Bộ trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt để làm cơ sở tham gia đàm phán. Sau khi kết thúc đàm phán có báo cáo Bộ và sao văn kiện gửi các thành viên tham gia và các đơn vị liên quan thực hiện.

7. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với Chủ dự án và các đơn vị liên quan tổ chức ký kết các văn bản chương trình, dự án theo phân công của Bộ trưởng.

Điều 19. Quản lý văn bản ký kết, trao đổi tài liệu

1. Các văn bản do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký kết, được lưu giữ bản gốc tại Văn phòng Bộ và các bản sao tại Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan.

2. Việc lưu giữ, tiếp xúc, trao đổi, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, mẫu vật với bên nước ngoài được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành của nhà nước và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sau khi chương trình, dự án được ký kết và phê duyệt và giám đốc dự án được bổ nhiệm, chủ dự án chịu trách nhiệm bàn giao tất cả các văn bản, giấy tờ có liên quan đến thực hiện chương trình, dự án cho giám đốc dự án.

4. Khi chương trình, dự án đã kết thúc, đưa vào sử dụng, Giám đốc dự án phải nộp lưu trữ tại Bộ các văn bản ký kết và hồ sơ của dự án theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUẢN LÝ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 20. Phân công trách nhiệm

1. Vụ Hợp tác quốc tế

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đối với nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo đúng quy định tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Vụ Hợp tác quốc tế và các quy định tại Quy chế này, trong đó có:

a) Chủ trì xây dựng trình Bộ trưởng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến nguồn hỗ trợ của nước ngoài trong ngành;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09614189

b) Chủ trì phối hợp với nhà tài trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị, xây dựng, thẩm định, phê duyệt đàm phán đề xuất cơ quan thực hiện và giám đốc các chương trình, dự án có nguồn hỗ trợ của nước ngoài trong ngành. Đối với các dự án vốn vay, do các cơ quan khác ngoài Bộ chủ trì đàm phán với nhà tài trợ (theo văn bản phân công của Thủ tướng Chính phủ), Vụ Hợp tác Quốc tế trình lãnh đạo Bộ danh sách đoàn đàm phán phía Bộ và là Trưởng đoàn của Bộ tham gia đàm phán với các Bộ ngành;

c) Đề xuất cơ quan thực hiện và giám đốc các chương trình, dự án từ nguồn hỗ trợ của nước ngoài trong ngành;

d) Hướng dẫn, theo dõi, đánh giá và tổng hợp và định kỳ báo cáo Lãnh đạo Bộ và Ban Cán sự việc quản lý, thực hiện nguồn hỗ trợ nước ngoài trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

đ) Phối hợp với nhà tài trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đánh giá và tổng hợp và định kỳ báo cáo theo quy định.

2. Vụ Kế hoạch

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đối với nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo đúng quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Vụ Kế hoạch;

Chủ trì phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Quy chế về lĩnh vực chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài có tính chất đầu tư của Bộ.

3. Vụ Tài chính

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đối với nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo đúng quy định tại Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Vụ Tài chính;

Chủ trì phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Quy chế về lĩnh vực tài chính, kế toán, vật giá thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Chủ trì bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài có tính chất hành chính sự nghiệp của Bộ. Xây dựng ban hành các quy định, hướng dẫn về quản lý tài chính nguồn hỗ trợ nước ngoài thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ. Thẩm tra quyết toán các chương trình, dự án và các khoản hỗ trợ phi dự án hàng năm và khi kết thúc chương trình, dự án.

4. Vụ Tổ chức cán bộ

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đối với nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo đúng quy định tại Quyết định số

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

13/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Vụ Tổ chức cán bộ;

Chủ trì phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Quy chế về lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, thi đua khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Thanh tra bộ

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đối với nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo đúng quy định tại Quyết định số 14/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Thanh tra Bộ;

Chủ trì phối hợp với vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng trong việc thực hiện các nguồn vốn nước ngoài.

6. Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các đơn vị quản lý chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

7. Các đơn vị được giao làm chủ chương trình, dự án (chủ đầu tư với các dự án đầu tư)

Các đơn vị được Bộ trưởng giao làm chủ chương trình, dự án chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, thực hiện các chương trình, dự án có trách nhiệm thành lập bộ phận quản lý thực hiện chương trình, dự án. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về mọi vấn đề liên quan đến việc quản lý và thực hiện chương trình, dự án được giao;

Các Ban quản lý dự án Nông nghiệp, Ban Quản lý dự án Lâm nghiệp và Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (gọi tắt là Ban) được giao làm chủ dự án (chủ đầu tư) các chương trình, dự án vốn vay và các dự án hỗ trợ kỹ thuật hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án vốn vay sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo phân công của Bộ trưởng.

Điều 21. Tổ chức bộ máy và nhân lực thực hiện chương trình, dự án ODA

1. Ban Chỉ đạo dự án (còn gọi là Ban Điều hành chương trình, dự án)

Căn cứ yêu cầu, nội dung và quy mô của từng dự án, Bộ trưởng ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo dự án. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế đề xuất thành phần, nhiệm vụ chức năng của Ban Chỉ đạo dự án trình Bộ trưởng ra quyết định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Chủ chương trình, dự án (Chủ dự án)

Sau khi được thông báo Danh mục tài trợ chính thức, Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ trưởng quyết định giao nhiệm vụ cho một đơn vị trực thuộc Bộ làm Chủ dự án (Chủ đầu tư với các dự án đầu tư). Chức năng nhiệm vụ của chủ dự án quy định cụ thể tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA của Chính phủ và các quy định hiện hành khác.

3. Ban Quản lý chương trình, dự án (Ban quản lý dự án)

a) Ban Quản lý chương trình, dự án (đối với chương trình, dự án ODA) hoặc Đơn vị đầu mối (đối với dự án PCPNN) do Bộ trưởng, Chủ dự án thành lập, chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện dự án. BQLDA được thành lập căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan chủ quản và của Chủ dự án, căn cứ vào Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt chương trình, dự án và căn cứ vào Điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế ký kết với nhà tài trợ;

b) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án (BQLDA) theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA và Văn bản hướng dẫn liên quan;

c) Nhân sự chủ chốt của Ban Quản lý dự án gồm Giám đốc (hoặc gọi Trưởng Ban Quản lý dự án), Phó Giám đốc (nếu có), kế toán trưởng do Cơ quan quyết định thành lập Ban QLDA bổ nhiệm và miễn nhiệm. Những cán bộ, nhân viên khác trong Ban Quản lý dự án do Giám đốc dự án tuyển chọn và quyết định theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA, Quy chế Quản lý PCPNN và các văn bản hướng dẫn.

4. Giám đốc Ban quản lý dự án

Giám đốc Ban quản lý dự án (giám đốc dự án) là người đứng đầu Ban Quản lý dự án, chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động của Ban quản lý dự án trước chủ dự án và trước pháp luật về việc quản lý, tổ chức thực hiện dự án theo văn kiện đã ký, các quy định của Nhà nước và của nhà tài trợ. Chủ dự án bổ nhiệm và miễn nhiệm giám đốc Ban quản lý dự án sau khi tham khảo ý kiến của Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Tổ chức cán bộ.

5. Chủ quản tiểu dự án thành phần (hoặc hợp phần - nếu có) của các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản: Là cấp quyết định đầu tư các tiểu dự án trên địa bàn địa phương hoặc trong lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn bộ từ việc chuẩn bị, xây dựng, thẩm định, phê duyệt tiểu dự án và các khâu thực hiện.

6. Chủ dự án thành phần thuộc các dự án ô do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản: do Chủ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

quản tiểu dự án thành lập và giao nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện toàn bộ các nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm của chủ dự án (chủ đầu tư) đối với tiểu dự án hoặc hợp phần dự án được giao theo quy định tại Văn kiện dự án, các quy định của Nhà nước và các quy định của nhà tài trợ.

Điều 22. Tổ chức thực hiện chương trình, dự án PCPNN

Căn cứ yêu cầu, nội dung và quy mô của từng chương trình, dự án và thỏa thuận với nhà tài trợ, chủ dự án xây dựng quy chế quản lý chương trình, dự án đảm bảo cho việc thực hiện và chịu trách nhiệm đối với việc quản lý hiệu quả nguồn lực huy động, nếu cần thiết Chủ dự án có văn bản thông qua Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Sau khi chương trình, dự án được phê duyệt, Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ, thủ tục đăng ký xác nhận viện trợ theo đúng quy trình, thời điểm do Bộ Tài chính quy định.

Điều 23. Điều chỉnh, sửa đổi nội dung các chương trình, dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, dự án, nếu có yêu cầu thay đổi, điều chỉnh thì thực hiện như sau:

a) Chủ dự án (hoặc đơn vị tiếp nhận viện trợ) có văn bản giải trình về nội dung, kế hoạch cần điều chỉnh thông qua Vụ Hợp tác quốc tế tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền;

b) Hình thức thẩm định được tiến hành theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA, Quy chế quản lý PCPNN của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn;

c) Việc ra quyết định điều chỉnh chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA, Quy chế quản lý PCPNN của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký thì thực hiện theo quy định của "Luật gia nhập, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế" và các văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, "Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế" và các văn bản hướng dẫn.

Chương VII

THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

Điều 24. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện

1. Vụ Hợp tác quốc tế là đầu mối của Bộ tổ chức theo dõi, hướng dẫn các chủ dự án tiến hành kiểm tra, đánh giá, hoặc khi cần thiết đề xuất với Lãnh đạo Bộ quyết định thuê tư vấn (hoặc phối hợp

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

với nhà tài trợ) đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án do Bộ là cơ quan chủ quản và quản lý, thực hiện.

2. Chủ dự án chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban Quản lý Dự án thực hiện đúng nội dung chương trình, dự án đã được phê duyệt; theo dõi, kiểm tra hoạt động của chương trình, dự án về tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân, về hiệu quả dự án, định kỳ báo cáo Bộ trưởng (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) và các cơ quan quản lý nhà nước về ODA và về PCPNN, đề xuất biện pháp giải quyết các trường hợp cần thiết theo quy định.

3. Ban Quản lý Dự án chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý thực hiện dự án, tổ chức đánh giá hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ; theo dõi tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân, hiệu quả và định kỳ báo cáo Chủ dự án và các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

4. Nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu từ nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài hay từ nguồn vốn đối ứng của Việt Nam cần được quy định rõ trong Văn kiện chương trình, dự án.

Chi phí cho các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá của cơ quan chủ quản do Vụ Tài chính bố trí trên cơ sở đề xuất của Vụ Hợp tác quốc tế theo kế hoạch hàng năm được Bộ trưởng phê duyệt.

Điều 25. Chế độ báo cáo

Chủ dự án phải định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện, báo cáo tài chính của các chương trình, dự án theo chế độ và biểu mẫu quy định của các cơ quan chức năng gửi về Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thời hạn báo cáo các chương trình, dự án ODA theo quý, 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ và khi kết thúc dự án bằng văn bản và thư điện tử theo đúng chế độ và mẫu báo cáo; các dự án đầu tư nhóm A cần chuẩn bị báo cáo hàng tháng theo mẫu gửi đến các Vụ Hợp tác quốc tế và các cơ quan, đơn vị liên quan của Bộ và các cơ quan tổng hợp Nhà nước.

Thời hạn báo cáo các chương trình, dự án PCPNN theo 6 tháng, hàng năm và khi kết thúc dự án. Chủ dự án cần chuẩn bị báo cáo bằng văn bản và thư điện tử theo đúng chế độ và mẫu báo cáo gửi về Vụ Hợp tác quốc tế và các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ quan tổng hợp Nhà nước.

Điều 26. Nghiệm thu, khai thác sử dụng kết quả chương trình, dự án

1. Chương trình, dự án về đầu tư xây dựng:

Chủ Dự án phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước về nghiệm thu, bàn giao từng phần hay bàn giao toàn phần, kiểm kê, lập phương án xử lý, đăng ký

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tài sản và quyết toán các nguồn hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản và Luật ngân sách Nhà nước, các quy định hiện hành khác của Nhà nước và quy định của nhà tài trợ.

2. Chương trình, dự án về hỗ trợ kỹ thuật:

Chủ dự án phải tổ chức nghiệm thu, quyết toán bàn giao, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật; phải có biện pháp để duy trì, phát huy hiệu quả của chương trình, dự án.

3. Tất cả các chương trình, dự án trước khi hoàn thiện đưa vào sử dụng (dự án đầu tư xây dựng) hoặc sau khi kết thúc thực hiện (dự án hỗ trợ kỹ thuật) đều phải thực hiện việc nghiệm thu, quyết toán, tổng kết đưa vào sử dụng đúng quy định trong Điều này và quy định của pháp luật về sử dụng các nguồn đầu tư của nước ngoài đảm bảo tính bền vững của chương trình, dự án.

4. Kinh phí nghiệm thu chương trình, dự án phải được ghi trong văn kiện dự án theo quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng ODA và Quy chế quản lý PCPNN của Chính phủ.

Điều 27. Kiểm tra, thanh tra việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài.

1. Các Chủ dự án và các Ban quản lý dự án phải có trách nhiệm thường xuyên và định kỳ kiểm tra, việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài đối với các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ.

2. Khi cần thiết, Bộ trưởng quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chương trình, dự án có nguồn hỗ trợ của nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị và cá nhân được giao trách nhiệm vận động, thu hút và sử dụng các nguồn hỗ trợ nước ngoài để xảy ra tiêu cực, vi phạm các quy định về quản lý ODA, quản lý PCPNN và quản lý các hoạt động phi dự án, tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày ký và thay thế các nội dung có liên quan đến Quyết định số 45/2004/QĐ-BNN ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Những chương trình, dự án có nguồn hỗ trợ của nước ngoài đang thực

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

hiện kết thúc trước ngày Quy chế có hiệu lực tiếp tục áp dụng theo quy định tại Quyết định số 45/2004/QĐ-BNN ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các nội dung công việc thực hiện sau khi Thông tư này có hiệu lực, chủ dự án có trách nhiệm, đề xuất điều chỉnh cần thiết và thực hiện theo Quy chế mới.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Vụ Hợp tác quốc tế để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09614189